TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Phong;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 460/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 539/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm: 1986, nơi cư trú: tổ 04, ấp V, xã L, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983, cư trú: tổ 04, ấp V, xã L, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa hôm nay bà M vắng mặt có đơn; ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Dương Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do cha mẹ định đoạt, tổ chức đám cưới và có đăng ký hôn tại UBND xã L vào năm 2012. Thời gian đầu chung

sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác rồi ra tay đánh đập, gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng chỉ được một khoảng thời gian ông Đ vẫn không thay đổi nên bà về nhà mẹ ruột sống, còn ông Đ thì dẫn theo hai con chung đi đâu không rõ, bà tìm cách liên hệ nhiều lần nhưng ông Đ trốn tránh không cho liên lạc. Nay bà nhận thấy không có khả năng hàn gắn nên quyết định xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn Y sinh ngày 09/8/2003 trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Chí T sinh ngày 09/6/2006, từ trước đến nay do ông Đ chăm sóc. Sau khi ly hôn bà đồng ý theo nguyện vọng của các con, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông Đ. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông Điền theo quy định nhưng ông Đ vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà M, ông Đ để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân của Công an xã L ngày 30/6/2022 xác định ông Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã L, huyện A, tỉnh An Giang.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Võ Thị H là mẹ ruột của bà M cho biết hôn nhân của ông bà có nhiều vấn đề phát sinh như bà M trình bày nhưng bà không can thiệp đến khi hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bà có lên tiếng hàn gắn nhưng không thành, ông bà đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Nay bà M xin ly hôn ông Đ bà không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà M vắng mặt có đơn,ông Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng

phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà M chung sống với ông Đ đến năm 2013 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đ hiện đang cư trú tại xã L, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà M và ông Đ xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 19/01/2012 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà M vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông Đ. Tại phiên tòa hòa giải bà M yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà M vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân từ năm 2013 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, bà M nhiều lần tìm cách liên hệ để hàn gắn nhưng ông Đ trốn tránh, gia đình hai bên đã lên tiếng vẫn không có kết quả.

Bà M cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông Đ phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác bỏ mặc gia đình, bà lên tiếng thì hai bên tranh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị H là mẹ ruột của bà M. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Văn Y sinh ngày 09/8/2003 và Nguyễn Chí T sinh ngày 09/6/2006, từ trước đến nay do ông Đ chăm sóc. Khi ly hôn bà M tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu bà được nuôi bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Trong quá trong giải quyết, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của con chung nhưng xét thấy, từ khi ông bà ly thân đến nay cháu Y và cháu T được đã được ông Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, môi trường sống ổn định, tình cảm cha - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ông Đ được tiếp tục nuôi hai con chung

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải bà M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này.

Theo quy định tại mục 2 phần II Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật hướng dẫn *"mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con"*. Do đó, bà M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với mức 745.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Dương Thị M.

1. Về hôn nhân: Bà Dương Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07 ngày 19/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Văn Y sinh ngày 09/8/2003 và Nguyễn Chí T sinh ngày 09/6/2006. Công nhận sự tự nguyện của bà M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với mức 745.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện kể từ ngày tuyên án.

Ông Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Dương Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006986 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà M nộp bổ sung 300.000 đồng. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/8/2022), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện A (2);*
- *THADS huyện A (1);*
- *UBND xã :L (1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Nguyễn Thị Thảo Ngân